

BÁO CÁO

**Tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016-2020
và phương hướng, nhiệm vụ 5 năm 2021-2025**

Thực hiện Nghị quyết số 01-NQ/ĐH ngày 25/8/2020 của Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Sơn Tây lần thứ XVIII, nhiệm kỳ 2020-2025; Nghị quyết số 16/2016/NQ-HĐND ngày 29/7/2016 của HĐND huyện khóa V, kỳ họp thứ 2 về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016-2020. UBND huyện báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016-2020 và phương hướng, nhiệm vụ phát triển 5 năm 2021-2025 huyện Sơn Tây như sau:

Phần thứ nhất

**ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI
5 NĂM 2016-2020**

A. TỔ CHỨC TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

Trên cơ sở quán triệt Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX và căn cứ vào điều kiện thực tiễn của địa phương, huyện Sơn Tây đã ban hành Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ XVII, Nghị quyết số 16/2016/NQ-HĐND ngày 29/7/2016 của Hội đồng nhân dân huyện khóa V, kỳ họp thứ 2 về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016-2020.

UBND huyện Sơn Tây đã ban hành Quyết định số 1453/QĐ-UBND ngày 12/8/2016 về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020; trong đó, tập trung thực hiện nhiệm vụ trọng tâm về phát triển kinh tế; đẩy mạnh xã hội hóa, nâng cao chất lượng giáo dục, y tế, văn hóa, thực hiện có hiệu quả công tác giảm nghèo; tiếp tục đào tạo, bồi dưỡng, nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ; giải quyết việc làm, cải thiện đời sống Nhân dân, giảm thiểu các tệ nạn xã hội; đẩy mạnh cải cách hành chính từ huyện đến xã. Thực hiện đồng bộ các giải pháp nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế, giữ vững quốc phòng, ổn định tình hình an ninh chính trị, đảm bảo an sinh xã hội.

**B. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ PHÁT TRIỂN KINH TẾ-
XÃ HỘI 5 NĂM GIAI ĐOẠN 2016-2020**

**I. Kết quả thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn
2016-2020**

Năm 2020 là năm có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, năm cuối của nhiệm kỳ thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ XVII và Nghị quyết của HĐND huyện về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016-2020, làm cơ sở chuẩn bị cho Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ XVIII.

Tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2020 của huyện tuy bị ảnh hưởng, tác động do dịch bệnh Covid-19, thời điểm cuối năm chịu ảnh hưởng nặng nề do thiên tai, bão lũ... Trong đó ảnh hưởng trực tiếp đến tiến độ triển khai các dự án đầu tư, thu ngân sách và các hoạt động khác....

Trước tình hình đó, bám sát sự chỉ đạo của tỉnh, của Ban Thường vụ Huyện ủy, UBND huyện đã triển khai đồng bộ, quyết liệt các giải pháp trong công tác phòng, chống dịch Covid-19, hạn chế thấp nhất những tác động của dịch bệnh đến phát triển kinh tế, xã hội của huyện; quyết liệt, kịp thời triển khai các biện pháp đảm bảo an toàn tính mạng của Nhân dân, huy động nguồn lực hỗ trợ, khắc phục thiệt hại do thiên tai, bão, lũ gây ra. Tình hình kinh tế - xã hội của huyện năm 2020 đạt được những kết quả nhất định, góp phần thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ, mục tiêu, chỉ tiêu giai đoạn 2016-2020. Cụ thể như sau:

TT	CHỈ TIÊU CHỦ YẾU	Đơn vị tính	Nghị quyết 16/2016/NQ-HĐND ¹	Bình quân 2016-2020/TH năm 2020	So với chỉ tiêu Nghị quyết
I	CHỈ TIÊU KINH TẾ (06 chỉ tiêu)				
1	Tốc độ tăng trưởng bình quân (có tính điện); (Giá so sánh năm 2010)	%	7,36%	9,7%/năm	Đạt (Vượt)
2	Cơ cấu giá trị sản xuất (Giá so sánh năm 2010); Có tính điện	%			
	- Công nghiệp, xây dựng	%	43,07	66,11	
	- Dịch vụ	%	19,86	16,14	
	- Nông, lâm nghiệp và thủy sản	%	37,07	17,75	
*	Tốc độ tăng trưởng bình quân (không tính điện); (Giá so sánh năm 2010)	%	7,36%	9,2%/năm	Đạt (Vượt)
	Cơ cấu giá trị sản xuất (Giá so sánh năm 2010); Không tính điện	%			
	- Công nghiệp, xây dựng	%	43,07	19,2	
	- Dịch vụ	%	19,86	38,5	
	- Nông, lâm nghiệp và thủy sản	%	37,07	42,3	
3	Thu cân đối ngân sách nhà nước trên địa bàn	%	10%	4,1%/năm	Không đạt
4	Giá trị sản xuất bình quân đầu người (Theo giá hiện hành) (giá TT có điện)	Triệu đồng	42,01	65,4	Đạt (Vượt)
5	Sản lượng lương thực cây có hạt	Tấn	7.805,62	6.894,61	Không đạt
	- Năng suất cây lúa nước	Tạ/ha	43,00	43,4	Đạt (Vượt)
	- Sản lượng lương thực b. quân đầu người	Kg/người	419,45	321,7	Không đạt
6	- Đàn gia súc:				
	+ Đàn Trâu	%	5%	9,2	Đạt (Vượt)
	+ Đàn Bò	%	5%	12,5	Đạt (Vượt)
	+ Đàn Heo	%	7,5%	-17,8	Không đạt
	+ Đàn Dê	%	3%	20,1	Đạt (Vượt)
II	VĂN HÓA - XÃ HỘI (13 chỉ tiêu)				
1	Tỷ lệ hộ nghèo giảm theo chuẩn mới Quốc gia	%	4	4,42	Đạt (Vượt)
2	Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên	‰	0,96	1,0	Không đạt
3	Số xã đạt tiêu chí nông thôn mới	Xã	2	0	Không đạt

¹ Nghị quyết về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016-2020.

4	Hàng năm giải quyết việc làm mới và thêm việc làm cho lao động	Người	400-500	404	Đạt
5	Số xã có nhà văn hóa	Xã	9/9 xã	9,0	Đạt
6	Hệ thống Đài truyền thanh xã được củng cố	Xã	9/9 xã	9,0	Đạt
7	Tỷ lệ đạt chuẩn văn hóa				
	- Gia đình văn hoá	%	80-85	85,0	Đạt
	- Thôn văn hoá	%	80	80,0	Đạt
	- Cơ quan, đơn vị văn hoá	%	95	95,0	Đạt
8	Tỷ lệ hộ sử dụng điện	%	100	99,0	Không đạt
9	Đường huyện cứng hóa	%	70	61,7	Không đạt
	Đường xã và đường vào các khu dân cư, khu sản xuất được cứng hóa	%	50-60	53,5	Đạt
11	Tỷ lệ xã đạt chuẩn Quốc gia về y tế	%	90	77,8	Không đạt
12	Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng	%	29,2	32,5	Không đạt
13	Tỷ lệ học sinh đi học đúng độ tuổi:				
	- Mẫu giáo	%		99,0	
	- Tiểu học	%	95,60	95,6	Đạt
	- Trung học cơ sở	"	91,20	95,6	Đạt (Vượt)
	- Trung học phổ thông	"		100,0	
*	Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi	%			
	- Số xã đạt chuẩn	Xã		9,0	
	- Tỷ lệ xã đạt chuẩn	%		100,0	
*	Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia		30%		Đạt
	- Mầm non	%		33,3	
	- Trung học cơ sở	%		30,0	
	Trong đó: Trường THCS	%		10,0	
	Trường TH-THCS	%		20,0	
III	CHỈ TIÊU MÔI TRƯỜNG (06 chỉ tiêu)				
1	Độ che phủ rừng	%	65,0	59,63	Không đạt
2	Tỷ lệ hộ dân được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh	%	80,0	61,7	Không đạt
3	Tỷ lệ xã có thu gom rác thải sinh hoạt	%	100,0	100	Đạt
4	Tỷ lệ hộ gia đình có nhà tiêu hợp vệ sinh	%	75-80	75	Đạt
5	Đầu tư xây dựng nghĩa trang nhân dân	xã	3-4	8,0	Đạt (vượt)
6	Trung tâm huyện lỵ trở thành đô thị loại V và thành lập thị trấn		Đô thị loại V	0,0	Không đạt
IV	QUỐC PHÒNG - AN NINH (03 chỉ tiêu)				
1	Xây dựng xã đạt vững mạnh về QP-AN	%	90	100,0	Đạt (vượt)
	Trong đó: Vững mạnh toàn diện	%	50	55,5	Đạt (vượt)
2	Chỉ tiêu giao quân hàng năm	%	100	100,0	Đạt
3	Xây dựng lực lượng dân quân ổn định so với dân số	%	3	4,0	Đạt (vượt)
4	Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ so với cán bộ, công chức	%	30	47,17	Đạt (vượt)

Trong 28 nhóm chỉ tiêu kinh tế - xã hội chủ yếu giai đoạn 2016-2020 thì đến hết năm 2020 có 17/28 chỉ tiêu đạt và vượt chỉ tiêu Nghị quyết đề ra².

² 11 chỉ tiêu chưa đạt: Thu cân đối ngân sách nhà nước trên địa bàn, sản lượng lương thực cây có hạt và sản lượng lương thực b.quần đầu người, tỷ lệ tăng dân số tự nhiên, số xã đạt tiêu chí nông thôn mới, đường huyện cứng hóa, tỷ lệ độ che phủ rừng, tỷ lệ hộ sử dụng điện, Tỷ lệ xã đạt chuẩn Quốc gia về y tế, Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng, Tỷ lệ hộ dân được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh, Trung tâm huyện lỵ trở thành đô thị loại V và thành lập thị trấn.

1. Về kinh tế

1.1. Về tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu

a) Về tăng trưởng kinh tế

Tổng giá trị sản xuất (GTSX) toàn huyện năm 2020 không tính điện đạt 386,216 tỷ đồng³, bình quân giai đoạn 2016-2020 tăng 9,2%/năm, vượt chỉ tiêu Nghị quyết đề ra (*Nghị quyết: Tốc độ tăng trưởng 7,36%/năm*). Nếu tính GTSX của các nhà máy thủy điện, tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2016-2020 tăng 9,7%/năm, vượt chỉ tiêu Nghị quyết đề ra.

b) Về chuyển dịch cơ cấu kinh tế

Tại Nghị quyết số 16/2016/NQ-HĐND ngày 29/7/2016 của Hội đồng nhân dân huyện khóa V: Công nghiệp - Xây dựng 43,07%; dịch vụ 19,86%; nông, lâm, nghiệp - thủy sản 37,07%. Đến năm 2020, cơ cấu kinh tế chuyển dịch đúng hướng, giảm dần tỷ trọng nông - lâm nghiệp - thủy sản, tăng tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ, cụ thể: Công nghiệp - xây dựng đạt 66,11%; dịch vụ đạt 16,14% và nông - lâm nghiệp - thủy sản đạt 17,75%. Cơ cấu chuyển dịch của ngành dịch vụ tăng trưởng chưa cao, nguyên nhân chính là do cuối năm 2019 và năm 2020 bị ảnh hưởng của đại dịch Covid-19.

1.2. Phát triển công nghiệp

Sản xuất công nghiệp trên địa bàn chủ yếu khai thác năng lượng tái tạo của các nhà máy thủy điện; đến nay đã đưa vào sản xuất kinh doanh 08 nhà máy thủy điện⁴, đóng góp rất lớn cho nguồn thu ngân sách. Giá trị sản xuất công nghiệp năm 2020 không tính điện đạt 17,343 tỷ đồng, bình quân tăng 12,1%/năm.

1.3. Phát triển nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững là nhiệm vụ trọng tâm, ưu tiên của huyện

Giá trị sản xuất nông - lâm nghiệp và thủy sản tăng bình quân 3,8%/năm, không đạt chỉ tiêu so với Nghị quyết 9,44%/năm (trong đó: Nông nghiệp tăng 5,0%/năm, lâm nghiệp giảm 3,0%/năm, thủy sản tăng 5,2%/năm). Cơ cấu chuyển dịch theo hướng giảm dần tỷ trọng ngành lâm nghiệp, tăng tỷ trọng nông nghiệp và thủy sản.

a) Phát triển nông nghiệp

Năm 2020, sản lượng lương thực có hạt đạt 6.894,6 tấn, đạt 95,9% so với năm 2015, không đạt chỉ tiêu (Nghị quyết 7.805,62 tấn). Sản lượng lương thực bình quân đầu người đạt 325 kg/người/năm, đạt 90,6% so với năm 2015, không đạt chỉ tiêu (Nghị quyết 419,45 kg/người/năm). Năng suất cây lúa nước đạt 43,4 tạ/ha, tăng 1,6% so với năm 2015, vượt 0,4 tạ/ha so với chỉ tiêu (Nghị quyết 43 tạ/ha).

³ Theo giá so sánh 2010.

⁴Đakđrinh, Sơn Tây, Huy Mãng, Sơn Trà, Sơn Trà 1C, Đăk Robaye, Thượng Sơn Tây, ĐăkBa

Triển khai các biện pháp chống hạn; kiểm tra công trình thủy lợi, đập bồi, vận động Nhân dân nạo vét kênh mương, nội đồng, khai thông các cống rãnh và bảo vệ rừng đầu nguồn, đảm bảo nguồn nước tưới phục vụ cho sản xuất.

- Về chăn nuôi: Tập trung phát triển chăn nuôi, nhất là những vật nuôi truyền thống của địa phương, nhằm cải tiến đàn trâu, nâng cao chất lượng đàn bò, hỗ trợ con giống chất lượng cho người dân. Tổng đàn gia súc đến cuối nhiệm kỳ đạt 20.134 con⁵.

Công tác kiểm tra, giám sát dịch bệnh, quản lý con giống, thức ăn chăn nuôi được thực hiện chặt chẽ. Nhờ vậy, các bệnh nguy hiểm như cúm gia cầm, lở mồm long móng được kiểm soát, ít có ổ dịch lớn xảy ra. Riêng trong năm 2019 và 03 tháng đầu năm 2020, xảy ra dịch tả lợn Châu Phi trên địa bàn huyện buộc phải tiêu hủy lợn mắc bệnh với số lượng lớn; đến nay, đã thực hiện kiểm soát chặt dịch bệnh trên gia súc, gia cầm, không để tái nhiễm dịch tả lợn.

b) Phát triển thủy sản

Nuôi trồng thủy sản trên địa bàn huyện chủ yếu là nuôi cá nước ngọt tại các ao, hồ nhỏ ở các xã, lòng hồ thủy điện Đăkđrinh và đánh bắt trong môi trường tự nhiên. Sản lượng thủy sản nuôi trồng và đánh bắt bình quân hàng năm đạt khoảng 31,53 tấn.

c) Phát triển lâm nghiệp:

Công tác quản lý nhà nước về rừng và đất rừng được tăng cường. Đã thực hiện hoàn thành việc giao đất, giao rừng cho tổ chức, cá nhân trên địa bàn⁶; đồng thời, tập trung chỉ đạo các địa phương, cơ quan liên quan thực hiện tốt các biện pháp quản lý, bảo vệ rừng, khoanh nuôi tái sinh rừng phòng hộ, khai thác, trồng mới và chăm sóc rừng tập trung. Tổng diện tích đất trên địa bàn huyện là 30.433,37⁷ ha, tăng 3.245,54 ha so với năm 2015. Độ che phủ rừng đạt 59,63%, đạt 91,7% chỉ tiêu (Nghị quyết 65%).

Chú trọng bảo vệ rừng, phòng cháy, chữa cháy rừng; tổ chức nhiều đợt truy quét, kiểm tra, tuần tra quản lý bảo vệ rừng, phát hiện kịp thời những vụ vi phạm quy định quản lý bảo vệ rừng.

d) Phát triển hợp tác xã

Đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện Đề án tái cơ cấu nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững, nhất là đã chỉ đạo

⁵ Đàn trâu 1.950 con, tăng 9,2% so với năm 2015, vượt chỉ tiêu NQ (5%); đàn bò 8.770 con, tăng 12,5%, vượt chỉ tiêu NQ (5%); đàn heo 7.970 con, giảm 17,8%, không đạt chỉ tiêu NQ (7,5%); đàn dê 1.444 con, tăng 20,1%, vượt chỉ tiêu NQ (3%).

⁶Bàn giao thực địa diện tích đất rừng phòng hộ chuyển qua rừng sản xuất và các mục đích khác cho UBND các xã, hộ gia đình và cộng đồng dân cư quản lý với tổng diện tích 4.201,511 ha.

⁷Rừng phòng hộ 14.522,82ha (rừng tự nhiên phòng hộ 10.502,02ha; rừng trồng phòng hộ 4.020,8ha); Rừng sản xuất 15.910,55ha (rừng tự nhiên sản xuất 2.400,34 ha; rừng trồng sản xuất 13.510,21ha);

thành lập 06 Hợp tác xã⁸, bước đầu góp phần tổ chức liên kết sản xuất theo hướng gia tăng chuỗi giá trị, tạo việc làm, tăng thu nhập cho nông dân.

e) Công tác xây dựng nông thôn mới:

Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện Nghị quyết về nông nghiệp, nông dân, nông thôn và chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới; chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện chính sách đa dạng hóa nguồn vốn trong các dự án xây dựng cơ sở hạ tầng; lồng ghép các nguồn vốn, dự án, Chương trình mục tiêu hỗ trợ từ ngân sách cấp trên để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới⁹. Chỉ đạo tăng cường công tác tuyên truyền, vận động Nhân dân tích cực tham gia xây dựng nông thôn mới bằng nhiều hình thức đa dạng, phù hợp với tình hình thực tiễn; vận động nhiều hộ dân tự nguyện hiến đất để đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn. Nhờ đó, kinh tế nông thôn đã có sự chuyển biến tích cực, kết cấu hạ tầng được tăng cường đầu tư, đời sống của nông dân từng bước được nâng lên; đến nay, bình quân đạt 12 tiêu chí/xã, tăng 58,6% so với năm 2015, chưa có xã nào đạt chuẩn nông thôn mới (không đạt chỉ tiêu Nghị quyết: 2 xã đạt).

g) Thực hiện chính sách giảm nghèo

Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện đồng bộ các chương trình mục tiêu quốc gia về giảm nghèo bền vững của Chính phủ¹⁰. Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu UBND huyện ban hành chương trình giảm nghèo giai đoạn 2016-2020, triển khai thực hiện Đề án thực hiện thí điểm Chính sách khuyến khích hộ nghèo tạo ra nhiều sản phẩm có giá trị để tăng thu nhập và vươn lên thoát nghèo bền vững¹¹... Tổng nguồn lực đầu tư phát triển là 185,444 tỷ đồng; giai đoạn 2016-2020, bình quân tỷ lệ hộ nghèo giảm 4,42%, đạt và vượt chỉ tiêu (Nghị quyết 4%).

1.4. Phát triển thương mại - dịch vụ:

Giá trị sản xuất dịch vụ giai đoạn 2016-2020 tăng bình quân 11,9%/năm, không đạt chỉ tiêu (Nghị quyết 16,24%); tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ (*giá hiện hành*) năm 2020 đạt 200 tỷ đồng, tăng bình quân 12,7%/năm. Ngành thương mại từng bước đi vào ổn định và phát triển, hàng hoá lưu thông phong phú, đa dạng, đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của cán bộ và Nhân dân trên địa bàn huyện. Dịch vụ bưu chính viễn thông phát triển mạnh, mạng điện thoại di động tiếp tục mở rộng, phủ sóng toàn huyện, đáp ứng nhu cầu thông tin của

⁸ HTX NN&DV Sơn Tây; HTX NN&DV Sơn Liên, HTX NN&DV Sơn Long, HTX SX NLN và TMDV Sơn Bua, HTX NN&DV Ngọc Giàu và HTX NN&DV Ngọc Lên.

⁹Tổng vốn đầu tư thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020 là 37,058 tỷ đồng.

¹⁰Các chính sách hỗ trợ trực tiếp, chính sách đặc thù hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số và miền núi; Chính sách hỗ trợ hộ nghèo về nhà ở theo Quyết định số 33/2015/QĐ-TTg ngày 10/8/2015 của Thủ tướng Chính phủ; Chính sách hỗ trợ nhà ở người có công tại Quyết định số 22/2013/QĐ-TTg ngày 26/4/2013 của Thủ tướng Chính phủ...

¹¹ Số hộ đăng ký tham gia thực hiện Đề án 1.760 hộ, đạt 74,14% trên tổng số hộ nghèo.

Nhân dân và công tác chỉ đạo, điều hành của địa phương. Hiện nay, 9 xã trên địa bàn huyện đã sử dụng dịch vụ Internet.

1.5. Về thu ngân sách

Việc quản lý tài chính - ngân sách được thực hiện công khai, dân chủ và thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; thu ngân sách cơ bản bảo đảm các hoạt động chi, đáp ứng nhu cầu hoạt động trên các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh. Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn trong các năm qua đạt kết quả tích cực. Tổng thu cân đối ngân sách nhà nước trên địa bàn năm 2020 đạt 95,457 tỷ đồng, tăng 22,2% so với năm 2015.

1.6. Đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội

a) Giao thông

Hiện nay, 9/9 xã có đường ô tô đi lại thông suốt trong mùa nắng và có đường giao thông được nhựa hoá, cứng hoá đến trung tâm xã, tạo điều kiện lưu thông hàng hóa và đi lại của Nhân dân. Đường huyện được nhựa hoá, cứng hoá 75,4km/122,23km đạt 61,69%, không đạt chỉ tiêu Nghị quyết (70%). Đường xã và đường thôn, đường vào các khu dân cư, khu sản xuất đã nhựa hoá, cứng hoá 100,37/187,62Km, đạt 53,5%, đạt so với chỉ tiêu Nghị quyết (50-60%).

b) Thủy lợi

Giai đoạn 2016-2020, đã đầu tư 15 công trình thủy lợi, với tổng kinh phí là 19.540,539 triệu đồng. Đến nay, có 118 công trình thủy lợi đã đưa vào khai thác sử dụng, phục vụ tưới cho 722,76 ha lúa 02 vụ¹². Trong đó, năng lực khai thác tưới thực tế của các công trình xây dựng cơ bản là 372,4 ha, đạt 75,09%.

c) Điện thấp sáng

Giai đoạn 2016-2020, đã đầu tư 13 công trình điện thấp sáng, với tổng kinh phí 20.790,292 triệu đồng. Đến nay, 9 xã đã có mạng lưới điện quốc gia, tỷ lệ người dân được dùng điện khoảng 98%, chưa đạt chỉ tiêu (Nghị quyết 100%).

d) Nước sinh hoạt

Giai đoạn 2016-2020, đã đầu tư 12 công trình nước sinh hoạt với tổng kinh phí 21.646,860 triệu đồng; toàn huyện có 96 công trình cấp nước sinh hoạt tập trung, phục vụ nước sinh hoạt cho 4.111 hộ dân, đạt 85%, vượt chỉ tiêu (Nghị quyết 80%).

đ) Y tế

Giai đoạn 2016 - 2020, từ nguồn vốn Chương trình 30a, huyện đã đầu tư xây dựng 01 Trạm Y tế xã (Sơn Bua) với tổng kinh phí 5.642 triệu đồng. Hiện toàn huyện có 01 Trung tâm Y tế huyện và 8/9 xã có Trạm Y tế.

e) Giáo dục

¹² Gồm 45 công trình đập dâng xây dựng cơ bản và 73 đập tạm; tổng chiều dài hệ thống kênh mương là 71,14 km loại III, trong đó có 32,12 km đã được cứng hóa, chiếm 45,15%.

Giai đoạn 2016-2020, từ các nguồn vốn (Chương trình 30a, Chương trình 135, Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới, ngân sách tỉnh, ngân sách huyện, vốn trái phiếu Chính phủ...), huyện đã đầu tư 70 lượt công trình giáo dục với tổng kinh phí 112.104,565 triệu đồng.

f) Đầu tư xây dựng Trung tâm hành chính huyện:

Giai đoạn 2016-2020, nhiều công trình hạ tầng tại Trung tâm huyện được đầu tư¹³. Đến nay, đánh giá, so sánh theo tiêu chuẩn đô thị loại V, đô thị Sơn Tây đạt 63,95/100 điểm, với 20 tiêu chuẩn đạt điểm tối đa, 11 tiêu chuẩn đạt điểm tối thiểu, 01 tiêu chuẩn đạt trên điểm tối thiểu và dưới điểm tối đa, có 17 tiêu chuẩn/49 tiêu chuẩn chưa đạt mức tối thiểu theo quy định, chưa đạt chỉ tiêu (chỉ tiêu: đến năm 2020 Trung tâm Huyện ly trở thành đô thị loại V).

1.7. Tăng cường công tác quản lý, sử dụng nguồn tài nguyên; bảo vệ môi trường; chủ động ứng phó với thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu

Công tác quy hoạch sử dụng đất, đăng ký đất đai, lập hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất được quan tâm, chỉ đạo thực hiện kịp thời. Lập, quản lý chặt chẽ quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, kế hoạch sử dụng đất hàng năm được UBND tỉnh phê duyệt; chú trọng công tác rà soát, điều chỉnh quy hoạch 3 loại rừng trên địa bàn huyện để dễ quản lý.

Công tác quản lý, khai thác, sử dụng các tài nguyên được chú trọng; thực hiện các giải pháp phù hợp với điều kiện của huyện, góp phần sử dụng tài nguyên hợp lý và hiệu quả. Thường xuyên chỉ đạo các ngành, địa phương tăng cường quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường, khoáng sản chưa khai thác. Công tác thu gom rác thải sinh hoạt cơ bản bản đáp ứng được yêu cầu, không để xảy ra tình trạng ô nhiễm.

Trong nhiệm kỳ, Huyện ủy đã ban hành và triển khai thực hiện Nghị quyết về bảo vệ và phát triển rừng bền vững; phục sinh các nguồn nước; bảo vệ môi trường sinh thái, môi trường cuộc sống cộng đồng dân cư trên địa bàn huyện giai đoạn 2015 - 2020, định hướng đến năm 2025 và tầm nhìn năm 2035 (gọi tắt là Nghị quyết số 02-NQ/HU) bước đầu đã mang lại hiệu quả, công tác bảo vệ và phát triển rừng được tăng cường, tình trạng phá rừng, lấn chiếm đất rừng đã hạn chế đáng kể; công tác bảo vệ và phục sinh các nguồn nước, giữ vệ sinh môi trường trong đời sống cộng đồng dân cư được quan tâm thực hiện, các nguồn nước từng bước được quản lý và bảo vệ; ý thức của người dân trong việc chăn nuôi có chuồng trại, làm nhà tiêu hợp vệ sinh được nâng lên;...

¹³ Như: Trụ sở Công an huyện, nhà làm việc Huyện ủy, đường Trung tâm cụm xã Sơn Mùa, Hệ thống điện chiếu sáng, KDC Đồng Bà cầu và KDC B19, Trường THCS Đinh Thanh Kháng, Đường Trung tâm huyện Sơn Tây, San lấp mặt bằng Trung tâm hành chính huyện (Giai đoạn II), Nhà làm việc các đơn vị hành chính sự nghiệp, Đường đô thị 02 (Quảng trường - ĐT 05), Trụ sở làm việc UBND huyện....

Chủ động, có kế hoạch thực hiện hiệu quả công tác ứng phó với biến đổi khí hậu, giảm nhẹ thiên tai. Tăng cường công tác phòng cháy, chữa cháy, phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn...

2. Phát triển lĩnh vực văn hóa - xã hội đồng bộ với phát triển kinh tế, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội

2.1. Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Sơn Tây

Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện Kế hoạch số 30-KH/HU ngày 26/02/2017 của Ban Thường vụ Huyện ủy về thực hiện Nghị quyết số 03-NQ/TU ngày 19/10/2016 của Hội nghị Tỉnh ủy lần thứ năm, khóa XIX về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Quảng Ngãi đáp ứng yêu cầu đổi mới, hội nhập và phát triển bền vững; từng bước xây dựng, phát triển con người Sơn Tây về đức, trí, thể, mỹ đáp ứng yêu cầu đổi mới, hội nhập và phát triển bền vững. Đến nay, 9/9 xã được đầu tư xây dựng nhà văn hóa xã, 32/35 thôn¹⁴ có nhà văn hóa thôn (đạt 91%).

Các giá trị văn hóa truyền thống của đồng bào Ca Dong được bảo tồn và phát huy; bước đầu khảo sát thu thập số liệu để phục vụ công tác bảo tồn văn hóa vật thể và phi vật thể của đồng bào dân tộc Ka Dong. Các hoạt động văn hóa - văn nghệ, thể dục - thể thao được phát động thường xuyên và tổ chức có ý nghĩa, thiết thực, tạo khí thế vui tươi, phấn khởi trong Nhân dân, Phong trào “*Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa*” được chú trọng; đời sống văn hóa, tinh thần của Nhân dân từng bước được cải thiện...

2.2. Thực hiện đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo

Xác định vai trò quan trọng của giáo dục đối với công tác phát triển kinh tế - xã hội, giảm nghèo bền vững ở địa phương, trong nhiệm kỳ, Huyện ủy đã ban hành Nghị quyết số 03/NQ-HU về phát triển, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo trên địa bàn huyện giai đoạn 2016-2020. Đồng thời, tập trung chỉ đạo huy động tổng hợp các nguồn lực cho phát triển giáo dục và đào tạo, tạo chuyển biến toàn diện, vững chắc về quy mô, chất lượng ở tất cả các cấp học, ngành học. Nhờ đó, chất lượng giáo dục và đào tạo từng bước được nâng lên; cơ sở vật chất cho giáo dục từng bước được đầu tư, đáp ứng nhu cầu dạy và học trên địa bàn¹⁵. Công tác quy hoạch, đào tạo bồi dưỡng, bổ nhiệm, nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo được quan tâm.

Giữ chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi, phổ cập tiểu học đúng độ tuổi, phổ cập trung học cơ sở. Huy động trẻ em dưới 3 tuổi vào nhà trẻ đạt 22%, đạt chỉ tiêu. Công tác xây dựng các trường đạt chuẩn Quốc gia được đẩy mạnh, đến hết năm 2020, có 06 trường đạt chuẩn¹⁶, đạt 30%, đạt chỉ tiêu.

¹⁴Theo Nghị quyết số 15/NQ-HĐND ngày 10/7/2019 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi, sáp nhập 14 thôn trên địa bàn huyện Sơn Tây

¹⁵Tổng vốn đầu tư cho giáo dục trong 03 năm 2016-2020 là 112,104 tỷ đồng.

¹⁶ Trường Mầm non Sơn Tân, Mầm non xã Sơn Dung, Mầm non Hoaponieng, Trường TH&THCS Sơn Tinh, Trường PTDTNT THCS Sơn Tây, Trường PTDTBT TH&THCS Đinh Thanh Kháng.

Huy động tỷ lệ học sinh đi học đúng độ tuổi ở bậc Tiểu học, bậc Trung học cơ sở, học sinh sau khi tốt nghiệp Trung học cơ sở vào lớp 10, người biết chữ trong độ tuổi từ 15 đến 35 đạt chỉ tiêu Nghị quyết; đã sắp xếp, sáp nhập các trường Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở theo Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII (giảm 09 đơn vị trường so với năm 2015); tập trung xóa bỏ các điểm trường lẻ, sắp xếp lại đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ. Công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập được chú trọng thực hiện.

2.3. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trong hệ thống chính trị, nguồn nhân lực phục vụ sản xuất kinh doanh được nâng lên

Nhằm xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức có năng lực công tác, khả năng cụ thể hóa và thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước vào tình hình thực tiễn tại địa phương, các cấp ủy Đảng trên địa bàn huyện thường xuyên quan tâm công tác đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trong hệ thống chính trị. Hiện nay, 100% cán bộ, công chức, viên chức cấp huyện và cán bộ, công chức cấp xã đạt chuẩn và trên chuẩn về trình độ chuyên môn theo đề án vị trí việc làm được phê duyệt.

2.4. Kết quả thực hiện nhiệm vụ chuyển giao, áp dụng khoa học, công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội

Quy mô sản xuất nhỏ chiếm đa số, các hộ nông dân chưa liên kết với nhau trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm; việc chuyển giao kỹ thuật công nghệ cao vào sản xuất, bảo quản, chế biến nông sản còn hạn chế, nhiều mô hình đạt hiệu quả cao chưa được nhân rộng.

Cơ sở vật chất, trang thiết bị thông tin, truyền hình được tăng cường đầu tư; hiện nay, 9/9 xã sử dụng Internet phục vụ nhu cầu truy cập của Nhân dân và công tác chỉ đạo, điều hành của chính quyền địa phương; 9/9 xã có đài truyền thanh; đã đầu tư xây dựng công trình Đài Truyền thanh - Phát lại truyền hình huyện Sơn Tây (nay là Trung tâm Truyền thông - Văn hóa - Thể thao).

Thực hiện việc gửi, nhận văn bản trên môi trường mạng, triển khai gửi, nhận văn bản điện tử không kèm bản giấy giữa các cơ quan hành chính nhà nước bảo đảm an toàn, hiệu quả.

2.5. Phát triển sự nghiệp y tế và thể dục, thể thao

Công tác y tế, dân số và chăm sóc sức khỏe Nhân dân tiếp tục được tăng cường. Hiện nay, toàn huyện có 01 Trung tâm Y tế huyện quy mô 70 giường bệnh và 6/9 xã đã đạt chuẩn quốc gia về y tế; 100% trạm y tế có bác sĩ; đa số Nhân dân khi ốm, đau đã đến các cơ sở y tế để khám, chữa bệnh. Công tác truyền thông, giáo dục sức khỏe các chuyên đề nuôi con bằng sữa mẹ, phòng chống suy dinh dưỡng, bệnh nhiễm khuẩn hô hấp cấp... thường xuyên triển khai. Hiện tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng đạt 32,5% (chỉ tiêu Nghị quyết là 29,2%). Các chương trình mục tiêu về y tế hàng năm đều thực hiện đạt và vượt kế hoạch tỉnh giao; công tác vệ sinh an toàn thực phẩm được tăng cường; trong những năm qua, trên địa bàn huyện không xảy ra ngộ độc thực phẩm quy mô

lớn. Công tác dân số, kế hoạch hóa gia đình, chăm sóc sức khỏe sinh sản, dinh dưỡng trẻ em được quan tâm, công tác tiêm chủng mở rộng được chú trọng triển khai. Đội ngũ cán bộ làm công tác y tế thường xuyên được quan tâm cử đi đào tạo, bồi dưỡng.

Hàng năm, hoạt động thể dục thể thao được quan tâm, ngoài các hoạt động thể dục thể thao sôi nổi ở địa phương; các đội tuyển thể thao của huyện giành được huy chương (vàng, bạc, đồng) trong các cuộc thi đấu giải tỉnh, khu vực miền núi hải đảo: bóng chuyền, điền kinh, đẩy gậy, boxing, võ cổ truyền, Vovinam... Về đầu tư cơ sở vật chất, thiết chế thể thao còn nhiều hạn chế, do thiếu nguồn lực và quỹ đất dành cho thể thao hạn hẹp.

2.6. Thực hiện tốt các chính sách xã hội, bảo đảm an sinh xã hội

Công tác giải quyết việc làm được chú trọng; giai đoạn 2016-2020, hàng năm đã giải quyết việc làm mới và thêm việc làm cho 404 lao động, đạt chỉ tiêu; phối hợp với Trung tâm giới thiệu việc làm tỉnh tư vấn cho hơn 1.345 lượt lao động, giới thiệu 455 lao động đăng ký làm việc trong nước, đưa người lao động đi làm việc theo hợp đồng lao động ở nước ngoài. Từ đầu nhiệm kỳ đến nay, có 10 lao động vay vốn đi làm việc theo hợp đồng lao động ở nước ngoài (không đạt chỉ tiêu kế hoạch tỉnh giao).

Công tác dạy nghề được quan tâm, từ năm 2016 đến nay, huyện mở 03 lớp với 180 người tham dự¹⁷; số lao động đã được đào tạo nghề chủ yếu tự tạo việc làm ở gia đình như: trồng trọt, chăn nuôi gia súc, gia cầm, phòng chống dịch bệnh gia súc; đặc biệt, số lao động sau khi được đào tạo nghề xây dựng dân dụng đã tham gia xây dựng các công trình dân dụng ở địa phương, góp phần khắc phục được tình trạng thiếu thợ xây dựng ở vùng cao như trước đây.

Các chính sách đối với người có công, trợ cấp các đối tượng bảo trợ xã hội được thực hiện kịp thời, đúng quy định. Các địa phương đẩy mạnh phong trào “Đền ơn đáp nghĩa”; thực hiện đầy đủ các chính sách hỗ trợ người già neo đơn, tàn tật, trẻ em mồ côi không nơi nương tựa. Đã chỉ đạo thực hiện tốt chính sách hỗ trợ hộ nghèo về nhà ở theo Quyết định số 33/2015/QĐ-TTg ngày 10/8/2015, Quyết định số 22/2013/QĐ-TTg ngày 26/4/2013 của Thủ tướng Chính phủ, Quyết định số 207/QĐ-UBND ngày 04/9/2013 của UBND tỉnh¹⁸. Tổng số người tham gia BHYT đến nay là 20.472 người, đạt 99,49%.

2.7. Công tác dân tộc

Công tác dân tộc được các cấp ủy đảng và các cấp chính quyền quan tâm, chỉ đạo thực hiện; các chế độ, chính sách cho người đồng bào dân tộc thiểu số

¹⁷ Trong đó, sơ cấp nghề 4 lớp/ 120 người; trung cấp nghề 3lớp/63 người; bồi dưỡng 24 lớp /922 người.

¹⁸Tổng số hộ thuộc đối tượng hỗ trợ trong 03 năm 2016-2018 theo Quyết định số 33/2015/QĐ-TTg ngày 10/8/2015 của Thủ tướng Chính phủ là 41 hộ, UBND huyện đã triển khai cho vay từ Ngân hàng Chính sách xã hội là 18 hộ, với số tiền 400 triệu đồng; số hộ được hỗ trợ nhà ở theo Quyết định số 22/2013/QĐ-TTg ngày 26/4/2013 của Thủ tướng Chính phủ là 249 hộ, với tổng kinh phí hỗ trợ 8.680 triệu đồng.

được thực hiện đầy đủ, kịp thời, góp phần quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội; kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội từng bước hoàn chỉnh, đáp ứng ngày càng cao nhu cầu sản xuất và dân sinh, nhất là hạ tầng thiết yếu như: giao thông, thủy lợi, điện, trường học, cơ sở văn hóa, trạm y tế...

Tập trung triển khai nhiều chương trình, kế hoạch nhằm nâng cao đời sống vật chất, văn hóa, xã hội, đặc biệt là công tác giảm nghèo. Trong giai đoạn 2016-2020, tổng số hộ nghèo thực giảm 1.048 hộ, giảm từ 2.906 hộ nghèo xuống còn 1.863 hộ nghèo, giảm tỷ lệ hộ nghèo từ 55,22% đầu năm 2016 xuống còn 33,12% vào cuối năm 2020, bình quân mỗi năm giảm 4,42%.

3. Về lĩnh vực nội chính, tổ chức nhà nước và quốc phòng, an ninh

3.1. Công tác xây dựng chính quyền; việc thực hiện nhiệm vụ trọng tâm cải cách hành chính, nhất là cải cách thủ tục hành chính

Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân huyện kịp thời thể chế hóa, cụ thể hóa đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, các nghị quyết, kết luận của Huyện ủy, Ban Thường vụ Huyện ủy để triển khai thực hiện. Các kỳ họp HĐND và hoạt động của đại biểu HĐND các cấp có nhiều đổi mới, nhất là việc ban hành Nghị quyết và công tác khảo sát, giám sát, phát huy tính dân chủ trong chất vấn, trả lời chất vấn, tiếp xúc cử tri và trả lời ý kiến, kiến nghị của cử tri. Đã lãnh đạo, chỉ đạo thành công bầu cử Quốc hội và HĐND các cấp nhiệm kỳ 2016 - 2021 trên địa bàn huyện. Kịp thời củng cố, kiện toàn các chức danh Ủy ban nhân dân huyện theo sự điều động, luân chuyển cán bộ.

Thường xuyên chỉ đạo kiện toàn và ban hành các quy định mới về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của các phòng, ban, ngành và quy chế phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị trong thực hiện nhiệm vụ. Tăng cường chỉ đạo thực hiện kỷ luật, kỷ cương hành chính, chấn chỉnh lề lối làm việc; tập trung chỉ đạo thực hiện đồng bộ các giải pháp cải thiện chỉ số cải cách hành chính¹⁹, chỉ số năng lực cạnh tranh. Nâng cao vai trò quản lý Nhà nước, năng lực điều hành, tổ chức thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững an ninh, quốc phòng.

3.2. Công tác thanh tra, kiểm tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị của công dân; phòng, chống tham nhũng

Công tác nội chính, phòng, chống tham nhũng được quan tâm, tăng cường, phối hợp với các cơ quan chức năng của tỉnh, để giải quyết những tồn tại các vụ việc xảy ra trên địa bàn, như: xử lý sai phạm liên quan đến chế độ trợ cấp ưu đãi bệnh binh theo Công văn 6572 của Bộ Quốc phòng; vụ án cố ý làm trái các quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng tại dự án Thủy điện Đăkđrinh²⁰; kịp thời phát hiện và chỉ đạo làm rõ vụ việc sai phạm xảy ra tại Ban Quản lý Dự án Giảm nghèo Tây Nguyên huyện....

¹⁹Chỉ số cải cách hành chính năm 2017 của huyện chỉ đạt 50,54 điểm đứng thứ 12/14 huyện, thành phố; năm 2018 đạt 67,45 điểm xếp thứ 6/14 huyện, thành phố, tăng 6 bậc so với năm 2017

²⁰Tuy nhiên, hiện nay vụ án tiếp tục kéo dài, chưa kết thúc, đã ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự và công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành thực hiện nhiệm vụ chính trị ở địa phương

Công tác nội chính, phòng, chống tham nhũng được tăng cường; công tác giáo dục, bồi dưỡng kiến thức quốc phòng, an ninh được chú trọng; điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án được thực hiện bảo đảm đúng quy định của pháp luật; công tác thanh tra, kiểm tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo thực hiện kịp thời, đảm bảo quy định; công tác tuyên truyền, giáo dục, phổ biến pháp luật và trợ giúp pháp lý được quan tâm; công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí được quán triệt, thực hiện thường xuyên, bộ máy, cán bộ của các cơ quan nội chính huyện được củng cố, kiện toàn.

3.3. Công tác tư pháp

Quản lý ngày càng chặt chẽ và hiệu quả hơn công tác xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật, đặc biệt là trong lĩnh vực thẩm định văn bản. Chất lượng thẩm định văn bản đúng trình tự, thủ tục theo quy định và ngày càng được nâng cao.

Công tác phổ biến, giáo dục pháp luật được triển khai cơ bản hiệu quả. Chú trọng tập trung tuyên truyền pháp luật về cải cách hành chính, Bộ Luật Dân sự 2015, Bộ Luật Hình sự. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến kịp thời những văn bản pháp luật mới.

Hướng dẫn, kiểm tra thực hiện tốt công tác chứng thực, hộ tịch, giải quyết kịp thời cho công dân, đảm bảo đúng luật. Thực hiện tốt công tác hoà giải góp phần ngăn chặn hành vi vi phạm pháp luật và các tranh chấp nhỏ trong cộng đồng dân cư. Công tác bán đấu giá tài sản, công tác theo dõi thi hành pháp luật trên địa bàn huyện hoạt động thường xuyên, đúng luật. Hiện nay trên địa bàn huyện có 37 tổ hòa giải và 238 hòa giải viên. Câu lạc bộ trợ giúp pháp lý tại 9 xã đã tổ chức sinh hoạt, tiến hành tư vấn pháp luật cho người dân tại địa phương.

3.4. Công tác quốc phòng, an ninh, trật tự và an toàn xã hội

Quán triệt, triển khai thực hiện nghiêm túc Nghị quyết số 28-NQ-TW ngày 25/10/2013 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XI về “Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới”. Thường xuyên đầu tư xây dựng các tiềm lực trong khu vực phòng thủ của huyện, nhất là tiềm lực quân sự; xây dựng lực lượng dân quân tự vệ có số lượng, cơ cấu hợp lý, đạt 4% so với dân số (Nghị quyết 3%.); tự vệ đạt 47,17% so với cán bộ, công chức (Nghị quyết 30%). Chất lượng tổng hợp, sức mạnh chiến đấu của lực lượng vũ trang huyện được nâng lên đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới. Công tác tuyển chọn gọi công dân nhập ngũ; bồi dưỡng kiến thức quốc phòng an ninh cho các đối tượng, giáo dục chính trị, định hướng tư tưởng, huấn luyện, diễn tập... hoàn thành 100% chỉ tiêu, kế hoạch. Thực hiện tốt công tác chính sách hậu phương quân đội, công tác dân vận, vận động quần chúng, tham gia xây dựng cơ sở chính trị địa phương, phòng chống, khắc phục hậu quả thiên tai đạt kết quả. Hoàn thành các chỉ tiêu, nhiệm vụ quân sự, quốc phòng hằng năm.

Chủ động phòng ngừa, đấu tranh có hiệu quả với âm mưu, thủ đoạn "diễn biến hòa bình", bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch; kịp thời phát hiện, ngăn chặn không để các tài liệu có nội dung xấu, phản động phát tán trên địa bàn

huyện. Lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện có hiệu quả Chiến lược an ninh quốc gia, chiến lược bảo vệ tổ quốc trong tình hình mới. Tập trung củng cố các địa bàn trọng điểm, vùng giáp ranh. Phát huy tốt vai trò của lực lượng vũ trang trong công tác tìm kiếm, cứu hộ, cứu nạn, giúp Nhân dân khắc phục hậu quả thiên tai. Công tác bồi dưỡng, nâng cao năng lực nghiệp vụ, giáo dục chính trị tư tưởng, xây dựng bản lĩnh chính trị cho cán bộ, chiến sỹ lực lượng vũ trang huyện được quan tâm.

Tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được bảo đảm; các vụ việc phức tạp về an ninh trật tự được phát hiện và xử lý kịp thời, không để phát sinh thành “điểm nóng”, đột xuất, bất ngờ.

II. TỒN TẠI, HẠN CHẾ VÀ NGUYÊN NHÂN

1. Hạn chế

1.1. Về lĩnh vực kinh tế

(1) Việc khai thác các tiềm năng, nguồn lực để phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn huyện còn gặp nhiều khó khăn, một số chỉ tiêu chưa đạt Nghị quyết XVII²¹. Tình hình sản xuất lâm nghiệp, nông nghiệp tiềm ẩn nhiều nguy cơ thiếu ổn định do tác động của thời tiết và giá cả thị trường, đặc biệt là giá cả một số mặt hàng nông, lâm sản, chăn nuôi giảm do công tác dự báo cung cầu yếu, chưa có “nhân tố” giúp liên kết, mở rộng và phát triển thị trường, tiêu thụ sản phẩm.

(2) Việc chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi còn chậm; giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp còn thấp, chưa tương xứng với tiềm năng, lợi thế của địa phương. Chưa nhân rộng các mô hình sản xuất nông, lâm nghiệp hiệu quả ra diện rộng.

(3) Tình trạng xâm lấn đất rừng, phá rừng, khai thác rừng trái pháp luật vẫn còn xảy ra; tình hình tranh chấp, khiếu kiện liên quan đến đất đai, nhất là đất rừng còn diễn biến phức tạp.

(4) Chưa hình thành các cụm công nghiệp chế biến nông, lâm sản; Công nghiệp cá thể quy mô nhỏ, lẻ.

(5) Chưa hình thành các điểm phục vụ du lịch, vui chơi giải trí trên địa bàn.

(6) Hệ thống hạ tầng giao thông chưa được đầu tư đồng bộ, tỷ lệ đường được nhựa hóa, cứng hóa còn thấp.

(7) Chỉ tiêu xây dựng Trung tâm huyện đạt tiêu chí đô thị loại V và thành lập thị trấn chưa đạt Nghị quyết đề ra.

²¹ Các chỉ tiêu chưa đạt Nghị quyết XVII: Thu ngân sách trên địa bàn huyện; đàn heo giảm so với đầu nhiệm kỳ; tổng sản lượng lương thực; bình quân lương thực đầu người; tỷ lệ đường huyện cứng hóa và đường xã và đường thôn, đường vào các khu dân cư, khu sản xuất cứng hóa; tỷ lệ độ che phủ rừng; trung tâm huyện ly trở thành đô thị loại V và thành lập thị trấn; tỷ lệ giảm hộ nghèo; số xã đạt chuẩn nông thôn mới; tỷ lệ hộ sử dụng điện lưới quốc gia; tỷ lệ SDD trẻ em < 5 tuổi suy dinh dưỡng; tỷ lệ huy động học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở vào học trung học phổ thông.

(8) Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn chủ yếu phụ thuộc vào doanh thu các nhà máy thủy điện nên ảnh hưởng đến việc điều hành ngân sách của địa phương.

1.2. Về lĩnh vực văn hóa - xã hội

(1) Chưa có xã đạt chỉ tiêu nông thôn mới theo chỉ tiêu Nghị quyết đề ra (đến năm 2020, có 02/09 xã đạt chuẩn nông thôn mới).

(2) Việc thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia về giảm nghèo bền vững hiệu quả chưa cao; đời sống của Nhân dân còn gặp nhiều khó khăn; một bộ phận hộ nghèo còn có tâm lý trông chờ vào sự hỗ trợ Nhà nước và cộng đồng, chưa có ý chí vươn lên thoát nghèo.

(3) Chất lượng giáo dục và đào tạo tuy được nâng lên nhưng vẫn còn hạn chế. Một số phụ huynh học sinh chưa thật sự quan tâm đến việc học của con em; tình trạng học sinh tảo hôn, bỏ học, đi học không đều chưa được khắc phục triệt để; ngân sách đầu tư cho giáo dục và đào tạo chưa đáp ứng được yêu cầu. Cơ sở vật chất phục vụ dạy học còn thiếu và chưa đồng bộ.

(4) Mạng lưới y tế ở cơ sở chưa được đầu tư đồng bộ; công tác khám, chữa bệnh và chất lượng dịch vụ khám, chữa bệnh chưa đáp ứng được nhu cầu của người dân. Tỷ lệ suy dinh dưỡng ở trẻ em dưới 5 tuổi còn ở mức cao; nguồn nhân lực y tế, nhất là đội ngũ y, bác sĩ có trình độ, năng lực chuyên môn còn thiếu hụt.

(5) Việc xây dựng các thiết chế văn hóa, huy động nguồn lực để bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa của các đồng bào dân tộc trên địa bàn huyện gặp nhiều khó khăn; chưa đầu tư xây dựng nhà luyện tập và nhà thi đấu đa năng; khu sinh hoạt văn hóa thiếu nhi; chưa có nhà trưng bày bảo tồn văn hóa Ca Dong; công viên trung tâm huyện; chưa có cơ sở truyền nghề dệt trang phục của dân tộc Ca Dong... Thiết chế thể thao ở cơ sở còn hạn chế (5/9 xã có sân vận động, sân vận động huyện xuống cấp không đủ tiêu chuẩn để phục vụ Nhân dân).

(6) Công tác đưa người lao động làm việc theo hợp đồng ở nước ngoài không đạt chỉ tiêu.

1.3. Về lĩnh vực nội chính, quốc phòng, an ninh

(1) Chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị sau khi hợp nhất chưa được quy định thống nhất, cơ chế chính sách giữa khối Đảng và khối Nhà nước sau khi thực hiện hợp nhất vẫn chưa được quy định cụ thể. Công tác đào tạo, bồi dưỡng, quy hoạch đôi khi chưa kịp thời, vẫn còn tình trạng lúng túng, thiếu hụt cán bộ mỗi khi cần bổ sung thay thế một số vị trí lãnh đạo, quản lý; một số cán bộ, quản lý chưa theo kịp với yêu cầu đổi mới. Công tác phòng, chống tham nhũng còn nhiều bất cập

(2) Tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội tuy ổn định nhưng còn tiềm ẩn nhiều yếu tố phức tạp; hoạt động tôn giáo trái pháp luật vẫn còn xảy ra; công tác phối hợp, xử lý tình huống an ninh trật tự có lúc, có nơi còn bị động;

tình hình tranh chấp, khiếu kiện liên quan đến lĩnh vực đất đai có chiều hướng gia tăng. Công tác quốc phòng, quân sự địa phương còn có một số mặt hạn chế.

2. Các nguyên nhân chủ yếu

2.1. Nguyên nhân khách quan

Xuất phát từ huyện miền núi có điều kiện kinh tế - xã hội còn nhiều khó khăn, nguồn lực đầu tư phát triển còn hạn chế; giá cả thị trường không ổn định, thời tiết diễn biến phức tạp; một số chương trình, chính sách giảm nghèo chưa sát với tình hình thực tiễn của địa phương nên khó khăn trong việc triển khai, thực hiện và ảnh hưởng đến một số chỉ tiêu, nhiệm vụ về phát triển kinh tế - xã hội của huyện...

2.2. Nguyên nhân chủ quan

Năng lực lãnh đạo, chỉ đạo, tham mưu, tổ chức thực hiện nhiệm vụ của một số cơ quan, đơn vị, địa phương chưa đáp ứng yêu cầu; tổ chức thực hiện các chủ trương, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước còn thiếu cụ thể, chưa sát với tình hình thực tế. Trình độ chuyên môn, tinh thần, trách nhiệm làm việc của một bộ phận cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức còn hạn chế. Công tác kiểm tra, đôn đốc, nhắc nhở việc thực hiện nhiệm vụ có lúc, có nơi chưa được thực hiện thường xuyên....

C. ĐÁNH GIÁ TỔNG QUÁT

Giai đoạn 2016-2020, huyện Sơn Tây đã đạt được nhiều thành tựu to lớn, có ý nghĩa quan trọng, tạo tiền đề phát triển mạnh kinh tế - xã hội trong những năm tiếp theo. Kinh tế tiếp tục giữ ổn định và tăng trưởng, cơ cấu kinh tế chuyển dịch đúng hướng, quy mô kinh tế tăng lên đáng kể. Một số các chỉ tiêu chủ yếu được thực hiện đạt và vượt so với Nghị quyết Đại hội XVII đề ra. Lĩnh vực văn hóa - xã hội có bước chuyển biến mạnh. Đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân dần được cải thiện, tỷ lệ hộ nghèo giảm đáng kể. Quốc phòng, an ninh được bảo đảm; chính trị - xã hội ổn định. Sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân, lòng tin của Nhân dân đối với Đảng, Nhà nước và chế độ xã hội chủ nghĩa ngày càng được củng cố vững chắc; sự đồng thuận xã hội ngày càng cao, sự đoàn kết, gắn bó trong các cộng đồng dân cư, các dân tộc được giữ vững...

Những thành tựu đạt được trong giai đoạn 2016-2020 là kết quả của sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo sâu sát, kịp thời của Ủy ban nhân dân tỉnh và các sở, ngành của tỉnh; là quá trình phấn đấu, sự đổi mới và nâng cao hiệu quả hoạt động của chính quyền, mặt trận, đoàn thể các cấp; sự nỗ lực của toàn thể cán bộ, đảng viên, lực lượng vũ trang, các tầng lớp Nhân dân trong thực hiện chủ trương của tỉnh và Nghị quyết Đại hội lần thứ XVII của Đảng bộ huyện.

Tuy nhiên, trong quá trình lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện các mặt công tác vẫn còn những khuyết điểm, tồn tại. Một số chỉ tiêu chủ yếu chưa đạt. Nông nghiệp phát triển chưa toàn diện. Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội chưa đồng bộ. Quản lý nhà nước về quy hoạch, bảo vệ tài nguyên môi trường, đầu tư xây dựng cơ bản chưa theo kịp yêu cầu. Lĩnh vực văn hóa - xã hội phát triển chưa tương

xứng với nhịp độ tăng trưởng kinh tế. Đời sống của Nhân dân tuy được cải thiện nhưng vẫn còn nhiều khó khăn. Trật tự an toàn xã hội còn tiềm ẩn những yếu tố phức tạp.

Phần thứ hai

ĐỊNH HƯỚNG, NHIỆM VỤ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI

5 NĂM 2021- 2025

Trong những năm đến, dự báo tình hình thế giới, khu vực tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường. Tăng trưởng kinh tế, thương mại quốc tế tiếp tục xu hướng giảm; bảo hộ thương mại gia tăng; cạnh tranh giữa các nước lớn và xung đột ở nhiều nơi gay gắt. Các thách thức an ninh phi truyền thống, nhất là thiên tai, dịch bệnh, biến đổi khí hậu, an toàn thông tin, an ninh mạng và tội phạm ngày càng gia tăng. Các tác động tiêu cực từ bên ngoài đến kinh tế trong nước, trong tỉnh nhanh và mạnh hơn; các vấn đề văn hóa, xã hội, môi trường đang tạo áp lực lớn đến phát triển bền vững trong bối cảnh hội nhập ngày càng sâu rộng. Đối với huyện nhà, nền kinh tế có điểm xuất phát thấp, tỷ lệ hộ nghèo cao, trình độ dân trí còn hạn chế; công tác quản lý đất đai, tài nguyên, môi trường... nhiều mặt còn bất cập; nguồn nhân lực chưa đáp ứng với xu thế phát triển chung.

Bên cạnh những khó khăn, thách thức cũng có những thời cơ, thuận lợi hết sức cơ bản: Chúng ta được kế thừa thành tựu của hơn 30 năm đổi mới, thế và lực của đất nước ngày càng lớn mạnh; tình hình chính trị, xã hội ổn định; niềm tin của Nhân dân được củng cố. Các chương trình, dự án đầu tư cho miền núi ngày càng thiết thực và phát huy hiệu quả; đất đai, tài nguyên và lực lượng lao động dồi dào; hoạt động của các nhà máy thủy điện sẽ tạo ra bước đột phá về giá trị sản xuất công nghiệp; thành tựu sau hơn 25 năm xây dựng và phát triển là tiền đề, động lực cho sự phát triển kinh tế - xã hội của huyện giai đoạn 2021-2025.

I. MỤC TIÊU VÀ CÁC CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN

1. Mục tiêu

Thực hiện thắng lợi mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XVIII. Đẩy mạnh đổi mới, sáng tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, năng suất lao động, năng lực cạnh tranh, khai thác và sử dụng hiệu quả các nguồn lực để phát triển nhanh và bền vững; nâng cao chất lượng cuộc sống Nhân dân; bảo đảm quốc phòng, an ninh, ổn định chính trị - xã hội. Phấn đấu đến năm 2030 thoát khỏi diện huyện nghèo.

2. Các chỉ tiêu chủ yếu

a) Nhóm các chỉ tiêu kinh tế (05 chỉ tiêu)

(1) Tốc độ tăng trưởng tổng giá trị sản xuất bình quân 5 năm 5,5 - 6%/năm.

(2) Tỷ trọng các ngành kinh tế trong tổng giá trị sản xuất đến năm 2025: Nông - Lâm nghiệp và Thủy sản 18,5-19%; Công nghiệp - Xây dựng 64-65%; Dịch vụ 15,5-16%.

(3) Đến năm 2025, giá trị sản xuất bình quân đầu người đạt 65-70,5 triệu đồng/người/năm.

(4) Phần đầu hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch thu ngân sách Nhà nước tỉnh giao hàng năm.

(5) Phần đầu đến năm 2025, đường huyện được cứng hóa 90%; đường xã được cứng hóa 80%.

b) Nhóm các chỉ tiêu về văn hóa - xã hội (10 chỉ tiêu)

(1) Phần đầu đến năm 2025, có 02 xã đạt chuẩn nông thôn mới (Sơn Mùa, Sơn Dung) các xã còn lại có ít nhất từ 01 đến 02 thôn đạt chuẩn nông thôn mới, số tiêu chí bình quân mỗi xã trên toàn huyện đạt 15-16 tiêu chí nông thôn mới.

(2) Tỷ lệ hộ nghèo giảm bình quân 5-5,5% (theo chuẩn nghèo giai đoạn 2020-2025).

(3) Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên 0,96%/năm.

(4) Đến năm 2025, bình quân có 12 bác sĩ/vạn dân; duy trì 35 giường bệnh/vạn dân.

(5) Xây dựng trường đạt chuẩn Quốc gia đến năm 2025: Mầm non 5/9 trường (đạt tỷ lệ 55%); Tiểu học và Trung học cơ sở 6/10 trường (đạt tỷ lệ 60%).

(6) Đến năm 2025, Gia đình văn hóa đạt 85-90%; thôn văn hóa 85-90%; cơ quan văn hóa 95% trở lên.

(7) Phần đầu đến năm 2025, 9/9 xã có hệ thống đài truyền thanh.

(8) Đến năm 2025, tỷ lệ số hộ dân sử dụng điện lưới quốc gia đạt 100%.

(9) Đến năm 2025, số xã đạt chuẩn quốc gia về y tế 100%.

(10) Đến năm 2025, tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng, dưới 29%.

c) Nhóm chỉ tiêu về tài nguyên, môi trường (4 chỉ tiêu)

(1) Đến năm 2025, độ che phủ rừng đạt 60,5%.

(2) Đến năm 2025, tỷ lệ hộ dân được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh đạt 90%.

(3) Đến năm 2025, có 9/9 xã với 45-50% hộ dân cư được thu gom rác thải; 30% hộ dân cư được xử lý rác thải ngoài thu gom (lò đốt thủ công, hố đào); 95% hộ gia đình có nhà vệ sinh.

(4) Đến năm 2025, 9/9 xã có nghĩa trang nhân dân.

d) Nhóm chỉ tiêu về quốc phòng, an ninh (02 chỉ tiêu)

(1) Hàng năm, xây dựng 100% xã vững mạnh về quốc phòng; trong đó vững mạnh toàn diện đạt 55,5% (5/9 xã) vào năm 2025.

(2) Hàng năm, phân loại đạt tiêu chuẩn “An toàn về an ninh, trật tự” có 85% số xã, cơ quan, doanh nghiệp, nhà trường đạt loại khá trở lên, không có loại yếu.

III. Các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu:

1. Huy động, phân bổ hiệu quả nguồn lực xã hội; bố trí vốn đầu tư công hợp lý

- Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng, triển khai thực hiện hiệu quả, hiệu lực 03 nhiệm vụ trọng tâm và 03 nhiệm vụ đột phá; thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội trong giai đoạn mới.

- Xây dựng hoàn thành Đồ án quy hoạch 1/500 Trung tâm hành chính huyện; Lập bản đồ thổ nhưỡng - nông hóa và đề xuất phát triển các vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung huyện Sơn Tây, tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021-2030, định hướng đến năm 2045 và Lập quy hoạch sử dụng đất cấp huyện giai đoạn 2021-2030.

- Tập trung, huy động nhiều nguồn lực, ưu tiên bố trí ngân sách để đầu tư xây dựng có trọng tâm, trọng điểm các thiết chế, kết cấu hạ tầng đô thị khu vực trung tâm hành chính huyện và các xã.

- Sớm đầu tư xây dựng hoàn thành trụ sở làm việc UBND huyện; nhà làm việc khối Mặt trận và Đoàn thể huyện; sân vận động và khu liên hợp văn hóa, thể thao huyện; hạ tầng dịch vụ - thương mại; chợ, bến xe, trung tâm thương mại; hoàn thành xây dựng tuyến đường ĐT02; tiếp tục triển khai thực hiện tuyến đường ĐT06 và nâng cấp tuyến đường ĐT05; chỉnh trang đô thị xanh - sạch - đẹp; đưa vào khai thác khu dân cư Đồng Bà Cầu và KDC B19.

2. Định hướng phát triển các vùng kinh tế - xã hội, vùng kinh tế động lực phù hợp với điều kiện của vùng; phát triển hài hòa và bền vững giữa các vùng

Thực hiện có hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030. Ưu tiên nguồn lực đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội, giảm nghèo bền vững. Nâng cao hiệu quả sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông, lâm nghiệp; chú trọng thực hiện Đề án mỗi xã một sản phẩm. Từng bước phát triển mô hình kinh tế dưới tán rừng.

3. Chú trọng phát triển công nghiệp

- Tập trung phát triển công nghiệp dựa vào nguồn nguyên liệu tại chỗ và thu hút nhiều lao động, nhằm thúc đẩy phát triển nông, lâm nghiệp, nông thôn. Tiếp tục kêu gọi các doanh nghiệp đầu tư cụm công nghiệp Sơn Tân.

- Phối hợp với chủ đầu tư các dự án thủy điện đẩy nhanh tiến độ thi công, hoàn thành công trình đưa vào vận hành, tạo thêm bước phát triển về giá trị sản xuất công nghiệp của huyện.

4. Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu sản xuất nông nghiệp, phát triển theo hướng bền vững; nâng cao giá trị gia tăng gắn với chuỗi giá trị các ngành hàng nông nghiệp. Đẩy mạnh thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới; giảm nghèo bền vững

- Đẩy mạnh tái cơ cấu ngành nông nghiệp; nhân rộng các mô hình sản xuất nông, lâm nghiệp có hiệu quả kinh tế cao.

- Đẩy mạnh chăn nuôi gia súc, gia cầm, chú trọng công tác chọn giống, áp dụng khoa học kỹ thuật trong chăn nuôi để đạt hiệu quả và tăng năng suất. Thực hiện mô hình điểm về chăn nuôi gia súc tập trung an toàn dịch bệnh ở những nơi có điều kiện. Chú trọng phát triển việc nuôi cá lồng, cá bè trên các lòng hồ thủy điện; thực hiện tốt các quy định về bảo vệ nguồn lợi thủy sản.

Khuyến khích và tạo điều kiện phát triển kinh tế hộ gia đình và các loại hình kinh tế tập thể hợp tác xã để liên kết, kết nối thị trường, nâng cao hiệu quả sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông, lâm nghiệp; chú trọng thực hiện Đề án mỗi xã một sản phẩm.

- Tăng cường công tác quản lý, vận hành khai thác các công trình thủy lợi, cấp nước sinh hoạt. Tập trung mọi nguồn lực để thực hiện sửa chữa, nâng cấp các công trình hiện có, đầu tư xây dựng mới, hoàn thiện kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn, bảo đảm tính đồng bộ, mỹ quan, đáp ứng nhu cầu sản xuất và đời sống.

- Tập trung chỉ đạo tuyên truyền, vận động các nguồn lực xã hội hóa nhằm góp phần đáp ứng nhu cầu đầu tư thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới theo phương châm “Nhà nước và nhân dân cùng làm”; sắp xếp, bố trí lại khu dân cư, nhà ở theo hướng văn minh, xanh, sạch, đẹp; chú trọng xây dựng thôn đạt chuẩn nông thôn mới, khu dân cư kiểu mẫu.

- Tổ chức thực hiện tốt, có hiệu quả các chính sách, dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, chú trọng đến hợp phần hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo; xây dựng kế hoạch xúc tiến tiếp cận thị trường tiêu thụ sản phẩm của người dân. Phân đầu giảm tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo theo kế hoạch đề ra.

5. Thực hiện tốt các cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển thương mại, dịch vụ, du lịch

Tiếp tục triển khai thực hiện chương trình đưa hàng Việt về nông thôn, thực hiện tốt cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”. Phát triển các ngành dịch vụ, bảo đảm các dịch vụ cơ bản phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của huyện. Khuyến khích sự tham gia tích cực của cộng đồng doanh nghiệp và Nhân dân để đẩy mạnh phát triển dịch vụ, du lịch. Khai thác, phát huy tối đa các tiềm năng, lợi thế về cảnh quan thiên nhiên, các thế mạnh đặc trưng của huyện và xây dựng các điểm tham quan, vui chơi, giải trí (công viên, hồ điều hòa trung tâm huyện, lòng hồ thủy điện...).

6. Thực thi hiệu quả, hiệu lực trong cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh; hỗ trợ, đồng hành cùng doanh nghiệp, nhà đầu tư

Tiếp tục triển khai các giải pháp cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh. Trong đó, tập trung các nhiệm vụ trọng tâm: Cải cách thủ tục hành chính; cải thiện các chỉ số tiếp cận đất đai, chi phí thời gian, ứng dụng công nghệ thông tin

trong cung cấp dịch vụ công. Tập trung tháo gỡ vướng mắc trong thủ tục đầu tư, bồi thường, giải phóng mặt bằng, chuẩn bị sẵn quỹ đất sạch để tạo điều kiện triển khai dự án.

7. Tăng cường các biện pháp thu, chi và quản lý ngân sách nhà nước

Chỉ đạo quyết liệt, phấn đấu hoàn thành vượt mức dự toán thu ngân sách nhà nước hằng năm. Tổ chức điều hành, quản lý chặt chẽ nguồn thu, thực hiện thu đúng, thu đủ; chống thất thu, nợ đọng thuế. Tăng cường cải cách thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho các đơn vị, doanh nghiệp tham gia đầu tư trên địa bàn.

Thực hiện triệt để tiết kiệm các khoản chi thường xuyên, chi cho bộ máy nhà nước, chi hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập. Tổ chức trực báo, kiểm tra, đôn đốc đẩy nhanh tiến độ các dự án đầu tư công.

8. Xây dựng đồng bộ hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, nhất là hạ tầng giao thông, hạ tầng đô thị, hạ tầng kỹ thuật - xã hội

Huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng theo quy hoạch. Huy động, sử dụng hiệu quả các nguồn lực phát triển kết cấu hạ tầng giao thông theo quy hoạch, ưu tiên các công trình trọng điểm, có sức lan tỏa.

Đẩy nhanh tiến độ hoàn thành các đồ án quy hoạch để phục vụ công tác quản lý nhà nước về xây dựng, đô thị đạt hiệu quả. Tập trung, huy động nhiều nguồn lực, ưu tiên bố trí ngân sách để đầu tư cơ sở hạ tầng, nhất là hạ tầng đô thị, hạ tầng kỹ thuật - xã hội; phấn đấu đến năm 2030, Trung tâm huyện lỵ trở thành đô thị loại V và thành lập thị trấn. Chú trọng bố trí hợp lý các nguồn lực để đầu tư thiết chế văn hóa - xã hội cấp huyện (nhà văn hóa, sân vận động...), thu hút phát triển thương mại, dịch vụ tại Trung tâm hành chính huyện. Đồng thời, xây dựng trung tâm các xã thành khu vực thương mại, dịch vụ phục vụ nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Phối hợp với chủ đầu tư các dự án thủy điện đẩy nhanh tiến độ thi công, hoàn thành công trình đưa vào vận hành, tạo thêm bước phát triển về giá trị sản xuất công nghiệp của huyện.

9. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý về tài nguyên, môi trường; chủ động phòng tránh thiên tai, ứng phó biến đổi khí hậu

Tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 02-NQ/HU của Huyện ủy khóa XVII, chú trọng việc chuyển đổi dần từ trồng cây keo sang cây lâu năm để kết hợp phát triển các sản phẩm dưới tán rừng. Thực hiện tốt việc trồng và bảo vệ cây xanh trên các tuyến đường. Tập trung tuyên truyền, nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của huyện theo hướng bền vững; kiên quyết xử lý những hành vi vi phạm pháp luật về quản lý, bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật.

Quản lý chặt chẽ, đồng bộ giữa quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất với quy hoạch tổng thể về phát triển kinh tế - xã hội của huyện và các quy hoạch khác có

sử dụng đất. Hoàn thành: việc lập quy hoạch sử dụng đất cấp huyện giai đoạn 2021-2030; đo đạc lập bản đồ địa chính, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai để dễ quản lý, vận hành, khai thác hiệu quả trên địa bàn huyện.

Quản lý, khai thác, phát triển rừng bền vững, tập trung ưu tiên các dự án bảo vệ, phục hồi, tái sinh rừng tự nhiên, trồng rừng phòng hộ; có biện pháp ngăn chặn và xử lý nghiêm đối tượng phá rừng; giải quyết có hiệu quả các vụ tranh chấp, lấn chiếm đất rừng; đẩy mạnh công tác giao rừng gắn với giao đất cho Nhân dân quản lý.

Chủ động phương án phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn; phát triển sản xuất và hạ tầng - kỹ thuật thích ứng với biến đổi khí hậu; bảo vệ và sử dụng hiệu quả, bền vững các nguồn tài nguyên thiên nhiên; nâng cao năng lực dự báo, cảnh báo, chủ động phương án di dời, sắp xếp lại các điểm dân cư ở những vùng có nguy cơ xảy ra lũ quét, sạt lở đất. Chủ trọng mức độ an toàn của hệ thống đập hồ chứa nước thủy điện trên địa bàn.

Tăng cường công tác quản lý khoáng sản trên địa bàn huyện.

10. Phát triển hài hòa các lĩnh vực văn hóa, xã hội, không ngừng nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân

Xây dựng đề án bảo tồn và phát triển các giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể của đồng bào Ca Dong. Tiếp tục thực hiện quy ước (hương ước “bỏ”) nông thôn, tăng cường giáo dục, bồi dưỡng cho thế hệ trẻ tinh thần lập thân, lập nghiệp, lòng tự hào dân tộc, nhận thức đúng đắn về giá trị cuộc sống, tự lực vươn lên. Tiếp tục nâng cao chất lượng, hiệu quả của Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá” gắn với thực hiện Cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”. Xây dựng và nhân rộng gương “Người tốt, việc tốt” và các điển hình tiên tiến. Tăng cường thực hiện Cuộc vận động “Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại”; từng bước đầu tư, nâng cấp thiết chế văn hóa - thể thao ở cấp huyện và cơ sở. Phấn đấu đến 2025, 9/9 xã có sân bóng đá cấp xã.

Giải quyết kịp thời chế độ chính sách cho người có công với cách mạng. Phối hợp với Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội tham gia vận động phong trào “Đền ơn đáp nghĩa”. Tổ chức thực hiện hiệu quả các chính sách trợ giúp thường xuyên và đột xuất đối với các đối tượng yếu thế trong xã hội; quan tâm chăm sóc người cao tuổi, người khuyết tật, trẻ em, thanh thiếu niên, phụ nữ. Vận động toàn dân tham gia bảo hiểm y tế theo hướng tự nguyện.

Thực hiện đồng bộ, có hiệu quả các chương trình, đề án, chính sách giảm nghèo đa chiều. Làm tốt công tác giáo dục - đào tạo, xem đây là giải pháp căn cơ để thoát nghèo bền vững. Đẩy mạnh xuất khẩu lao động và giới thiệu lao động làm việc tại các khu công nghiệp, khu chế xuất trong và ngoài tỉnh. Xây dựng và triển khai đề án hỗ trợ đào tạo nghề cho lao động nông thôn giai đoạn 2020-2025.

11. Phát triển giáo dục, đào tạo, khoa học - công nghệ; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; đổi mới nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp

Tổ chức tổng kết, ban hành kết luận tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 03-NQ/HU ngày 19/12/2016 của Huyện ủy về phát triển, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo trên địa bàn huyện giai đoạn 2016-2020. Bố trí đội ngũ giáo viên phù hợp ở các cấp; nâng cao chất lượng giáo viên và cán bộ quản lý theo chuẩn nghề nghiệp. Tiếp tục huy động nguồn vốn đẩy mạnh xã hội hóa giáo dục, đầu tư xây dựng trường chuẩn quốc gia đảm bảo đạt chỉ tiêu đề ra; khuyến khích phát triển các loại hình giáo dục tư thục trên địa bàn.

Tích cực phân luồng học sinh sau tốt nghiệp trung học cơ sở, định hướng nghề nghiệp bậc trung học phổ thông. Đẩy mạnh khuyến học, khuyến tài; nâng cao hiệu quả các trung tâm học tập cộng đồng gắn với xây dựng xã hội học tập. Thực hiện có hiệu quả Đề án tăng cường Tiếng Việt cho trẻ em mầm non, học sinh tiểu học vùng dân tộc thiểu số.

Giữ chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi, phổ cập tiểu học đúng độ tuổi, phổ cập trung học cơ sở 9/9 xã. Duy trì tỷ lệ đi học đúng độ tuổi ở tiểu học 95,6%, trung học cơ sở 92%; huy động học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở tiếp tục học trung học phổ thông và đào tạo nghề khoảng từ 70 - 80%.

12. Phát triển sự nghiệp y tế và chăm sóc sức khỏe nhân dân

Tiếp tục phát triển và củng cố mạng lưới y tế, nâng cao chất lượng dịch vụ chăm sóc sức khỏe cho Nhân dân, tăng khả năng tiếp cận các dịch vụ chăm sóc y tế cơ bản của người dân, đặc biệt là đối tượng chính sách, hộ nghèo, góp phần thực hiện định hướng công bằng trong chăm sóc sức khỏe. Thường xuyên tuyên truyền, phổ biến thực hiện chính sách, pháp luật về hôn nhân, gia đình, hạn chế nạn tảo hôn.

Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn, đặc biệt đào tạo chuyên khoa cho đội ngũ cán bộ y tế từ cấp huyện đến xã.

Chi đạo triển khai thực hiện có hiệu quả các chương trình mục tiêu quốc gia về y tế, đặc biệt công tác phòng, chống suy dinh dưỡng cho trẻ em dưới 5 tuổi và công tác phòng, chống dịch bệnh trên địa bàn.

13. Tăng cường, nâng cao hiệu quả công tác thanh tra, kiểm tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo; đẩy mạnh công tác phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí

Tăng cường công tác quản lý nhà nước về thanh tra, thực hiện nghiêm túc kế hoạch thanh tra, kiểm tra đã được Thủ trưởng các cấp phê duyệt; chủ động tiến hành kiểm tra đột xuất khi phát hiện có dấu hiệu vi phạm; phối hợp, hoàn thành tốt việc xử lý trùng lặp, chồng chéo trong hoạt động thanh tra. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra công vụ, thực hiện các quy định pháp luật về phòng, chống tham nhũng, lãng phí.

Phát huy, gắn trách nhiệm của thủ trưởng cơ quan, đơn vị, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp trong công tác tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo.

14. Xây dựng chính quyền kiến tạo, liêm chính, hành động; bộ máy tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả; siết chặt kỷ luật, kỷ cương, xây dựng, nâng cao hiệu quả thi hành pháp luật

Tổ chức tốt cuộc bầu cử Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026 trên địa bàn huyện.

Tiếp tục kiện toàn, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của chính quyền địa phương các cấp. Tăng cường sự lãnh đạo của đảng đối với công tác cải cách hành chính; xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập.

Tiếp tục đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động hành chính, tăng cường đầu tư cơ sở hạ tầng, từng bước cung cấp các dịch vụ công cơ bản trực tuyến ở mức độ 3, mức độ 4 cho tổ chức, công dân; thường xuyên kiểm tra, giám sát công vụ; thường xuyên chấn chỉnh kỷ luật, kỷ cương, xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có phẩm chất đạo đức công vụ tốt, năng lực chuyên môn cao, theo kịp sự phát triển của thời đại.

Chỉ đạo thực hiện nghiêm túc đề án vị trí việc làm, đề cao trách nhiệm cá nhân, nhất là trách nhiệm người đứng đầu. Thường xuyên thanh tra, kiểm tra công vụ xử lý triệt để các hành vi gây phiền hà cho tổ chức và công dân.

15. Tăng cường quốc phòng, an ninh

Duy trì nghiêm chế độ trực sẵn sàng chiến đấu, bảo đảm an toàn các mục tiêu trọng điểm, bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn giao thông. Giữ vững sự đoàn kết thống nhất và sức mạnh của cả hệ thống chính trị. Kịp thời giải quyết những mâu thuẫn, bất đồng trong nội bộ nhân dân; xử lý có hiệu quả những vấn đề phức tạp nảy sinh, không để xảy ra điểm nóng, tạo môi trường ổn định cho sự phát triển.

Tổ chức xúc tiến, vận động viện trợ của các tổ chức phi chính phủ nước ngoài để phát triển kinh tế - xã hội.

Trên đây là báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016-2020 và phương hướng, nhiệm vụ phát triển 5 năm 2021-2026 trên địa bàn huyện Sơn Tây./.

Nơi nhận:

- TT Huyện ủy;
- TT HĐND;
- CT, PCT UBND huyện;
- UBMTTQVN huyện;
- Đại biểu HĐND huyện khóa VI;
- Các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể huyện;
- Đảng ủy, TT HĐND, UBND các xã;
- C,PCVP, TH;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Ngọc Trân